

Bản án số: 266/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 276/2023/QĐ-ST ngày 06/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

Chị N ủy quyền cho anh Phạm Tiến Đ, sinh năm 1999; Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng giao nhận tài liệu với Tòa án. (Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2023 có xác nhận của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc).

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn V, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc):

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh V được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau kết hôn chị về nhà anh V làm dâu và chung sống hòa thuận. Năm

2009 do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đi Đài Loan lao động. Sau khi sang Đài Loan lao động một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay mâu thuẫn ngày càng thường xuyên và trầm trọng hơn, không có cách nào giải quyết nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ngô Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Ngô Thị T, sinh ngày 08/10/2002. Hiện nay cháu T đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: không có.

Bị đơn anh Ngô Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như chị N trình bày. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Ngô Thị T, sinh ngày 08/10/2002. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi nên anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản, công nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn V đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị N; bản tự khai của anh Ngô Văn V và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Ngô Văn V. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có hộ khẩu thường trú tại Bắc Giang và đang lao động tại Đài Loan, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy: Vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang không tiến hành thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Văn V kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/9/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ngô Văn V.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh V, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị N, anh V chung sống hạnh phúc nhưng sau khi chị N đi lao động tại Đài Loan một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Đến nay anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Do vậy, Hội đồng xác định vợ chồng chị N, anh V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N với anh V và xử cho chị N được ly hôn anh V là hoàn toàn phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6]. Về con chung: Con chung của chị N và anh V đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Chị N và anh V không có tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

[9.1] Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

[9.2] Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị N đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Văn V.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000818 ngày 03/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Ngô Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Hiền